

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I năm 2026**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07-08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-32

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho quý I năm 2026.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Minh	Chủ tịch
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Quý Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2025
	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 13/06/2025
Ông Nguyễn Văn Hải	Giám đốc dự án đầu tư	Bổ nhiệm ngày 13/06/2025

##### Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thanh Nhân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK**

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Lê Quý Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>87.461.662.063</b>	<b>82.150.835.140</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>7.990.828.713</b>	<b>5.457.997.399</b>
1. Tiền	111		7.990.828.713	5.457.997.399
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.897.369.974</b>	<b>54.808.473.981</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.701.941.686	40.297.842.457
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.398.107.428	11.273.310.664
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	6.268.800.000	8.708.800.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(5.471.479.140)	(5.471.479.140)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>18.076.377.891</b>	<b>20.945.908.060</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.076.377.891	20.945.908.060
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>1.497.085.485</b>	<b>938.455.700</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	15	1.450.233.443	938.455.700
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	46.852.042	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>163.352.260.399</b>	<b>173.106.247.720</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.502.470.985</b>	<b>87.170.178.493</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	81.364.958.658	87.024.247.044
- Nguyên giá	222		244.545.066.265	244.545.066.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(163.180.107.607)	(157.520.819.221)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	137.512.327	145.931.449
- Nguyên giá	228		168.382.441	168.382.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.870.114)	(22.450.992)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>1.459.368.220</b>	<b>28.956.467.651</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1.459.368.220	28.956.467.651
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>3.600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	3.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>80.390.421.194</b>	<b>53.379.601.576</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	15	80.390.421.194	53.379.601.576
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>280</b>		<b>250.813.922.462</b>	<b>255.257.082.860</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81.629.394.868</b>	<b>86.236.995.577</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>78.209.394.868</b>	<b>81.966.995.577</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.331.910.402	1.214.594.833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		788.459.420	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	815.549.554	658.646.933
4. Phải trả người lao động	315		938.141.257	752.950.705
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	18	230.496.798	640.583.739
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	19	11.798.480.407	265.212.757
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20	62.306.357.030	78.435.006.610
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.420.000.000</b>	<b>4.270.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	20	3.420.000.000	4.270.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>169.184.527.594</b>	<b>169.020.087.283</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>21</b>	<b>169.184.527.594</b>	<b>169.020.087.283</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		143.750.000.000	143.750.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		143.750.000.000	143.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.250.625.000	1.250.625.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.183.902.594	24.019.462.283
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		24.019.462.283	23.604.940.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		164.440.311	414.521.370
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>250.813.922.462</b>	<b>255.257.082.860</b>


 


Nguyễn Thị Luyện  
Người lậpNguyễn Thị Luyện  
Kế toán trưởngLê Quý Sơn  
Tổng Giám đốc


Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Quý I năm 2026

CHỈ TIÊU			Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I		Đơn vị: VND	
			Thuyết minh	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026		Năm 2025
				VND		VND		
Mã số								
01	23		46.113.898.257	51.681.115.846	46.113.898.257	51.681.115.846	VND	
02			-	-	-	-		
10			46.113.898.257	51.681.115.846	46.113.898.257	51.681.115.846		
11	24		41.850.926.392	46.884.517.090	41.850.926.392	46.884.517.090		
20			4.262.971.865	4.796.598.756	4.262.971.865	4.796.598.756		
21			-	-	-	-		
22			2.108.403	7.373.140	2.108.403	7.373.140		
23			1.480.997.360	1.833.160.906	1.480.997.360	1.833.160.906		
24			1.480.558.880	1.831.437.226	1.480.558.880	1.831.437.226		
25			242.392.668	429.019.647	242.392.668	429.019.647		
26			1.981.105.638	1.786.226.809	1.981.105.638	1.786.226.809		
30			560.584.602	755.564.534	560.584.602	755.564.534		
31			3.780.000.000	-	3.780.000.000	-		
32			4.090.831.461	14.260.227	4.090.831.461	14.260.227		
40			(310.831.461)	(14.260.227)	(310.831.461)	(14.260.227)		
50			249.753.141	741.304.307	249.753.141	741.304.307		
51	29		85.312.830	150.414.247	85.312.830	150.414.247		
52			-	-	-	-		
60			164.440.311	590.890.060	164.440.311	590.890.060		
70	30		11	41	11	41		

  
Nguyễn Thị Luyến  
Người lập

  
Nguyễn Thị Luyến  
Kế toán trưởng

  
Lê Quý Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2026  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		249.753.141	741.304.307
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.667.707.508	5.971.919.095
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.022.539)	(3.493.301)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(181.085.864)	(1.007.039)
- Chi phí lãi vay	06		1.480.558.880	1.831.437.226
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.215.911.126	8.540.160.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.086.179.743)	3.085.333.192
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.869.530.169	207.710.804
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.381.561.846	(2.437.290.486)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		922.318.790	2.376.577.229
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.490.183.464)	(1.842.399.269)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(135.769.513)	(3.340.227.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.677.189.211	6.589.864.575
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(947.816.720)	(1.847.045.892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.780.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.085.864	1.007.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.833.269.144	(1.846.038.853)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		35.338.263.982	45.117.372.689
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.316.913.562)	(51.289.583.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.978.649.580)	(6.172.210.757)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2026  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.531.808.775	(1.428.385.035)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.457.997.399	4.773.345.890
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.022.539	5.334.917
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>7.990.828.713</u>	<u>3.350.295.772</u>



Nguyễn Thị Luyện  
 Người lập



Nguyễn Thị Luyện  
 Kế toán trưởng



Lê Quý Sơn  
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800462363 do Sở Tài chính tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 143.750.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 143.750.000.000 đồng; tương đương 14.375.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK chính thức lên sàn Upcom vào ngày 22 tháng 04 năm 2025:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK.
- Mã cổ phiếu: DKG;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu thông thường;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 14.375.000 Cổ phiếu.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh vôi, dolomite nung.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vôi, dolomite nung;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm từ vôi, dolomite;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ đá vôi, dolomite.

#### Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/03/2026 là 124 người (tại ngày 01/01/2026 là 124 người)

### 2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không phải là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ thì đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Quý I năm 2026.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	6.137.611.029	4.682.473.033
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.853.217.684	775.524.366
	<u>7.990.828.713</u>	<u>5.457.997.399</u>
Các khoản tiền gửi không kỳ hạn chiếm từ 10% trên tổng số dư của tiền gửi không kỳ hạn:		
	31/03/2026	01/01/2026
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Hải Phòng	1.736.784.538	737.589.985





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

### 7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ bán hàng hóa, thành phẩm	38.701.941.686	(159.899.140)	40.297.842.457	(159.899.140)
	<u>38.701.941.686</u>	<u>(159.899.140)</u>	<u>40.297.842.457</u>	<u>(159.899.140)</u>
			31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Trong đó:				
Các khoản phải thu khách hàng			38.376.228.346	40.095.138.957
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 32.)			325.713.340	202.703.500
			<u>38.701.941.686</u>	<u>40.297.842.457</u>

Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác chiếm trên 10% tổng phải thu khách hàng ngắn hạn:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần DLH Global	32.708.779.522	-	31.307.516.480	-
Công ty TNHH Thương mại Phát triển L-D	2.636.729.528	-	5.124.388.180	-
	<u>35.345.509.050</u>	<u>-</u>	<u>36.431.904.660</u>	<u>-</u>

### 8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Bùi Đức	6.348.185.294	-	515.852.166	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HT HD	-	-	4.410.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	5.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	3.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	(811.580.000)	811.580.000	(811.580.000)
Trả trước khác	5.238.342.134	-	5.535.878.498	-
	<u>20.398.107.428</u>	<u>(811.580.000)</u>	<u>11.273.310.664</u>	<u>(811.580.000)</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>8.244.142.240</u>	<u>-</u>	<u>250.084.832</u>	<u>-</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)				

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ <sup>(1)</sup>	1.768.800.000	-	1.768.800.000	-
Phải thu Công ty TNHH	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Phụ gia Hải Phòng <sup>(2)</sup>				
Phải thu khác <sup>(3)</sup>	-	-	2.440.000.000	-
	<b>6.268.800.000</b>	<b>(4.500.000.000)</b>	<b>8.708.800.000</b>	<b>(4.500.000.000)</b>

(1) Bao gồm:

- Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Nhà máy vôi công nghiệp DLH, Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 29 ngày 01/04/2023, số tiền 1.470.000.000 đồng;
- Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Bến thủy nội địa, Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 3464/KQ ngày 27/05/2025, số tiền 298.800.000 đồng;

(2) Khoản phải thu của Công ty với Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng để chuẩn bị cho việc ký và thực hiện hợp đồng liên doanh khai thác đá tại núi Thùm Thùm, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng). Theo đó, trong năm 2019 và năm 2020, Công ty đã thay mặt Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng nộp vào NSNN số tiền 3.647.714.000 VND để thanh toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Ngày 28/06/2021, Công ty chuyển cho Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng số tiền 1.352.286.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2020/HDDC ngày 19/12/2020. Hợp đồng đặt cọc này sẽ được khấu trừ vào tiền bên Công ty chuyển cho Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa hai bên để triển khai Dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu phục vụ nhà máy xi măng Hải Phòng. Hai bên đang trong quá trình đàm phán, thương lượng các thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tuy nhiên đến cuối năm 2021, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng thống nhất không tiếp tục thực hiện việc hợp tác kinh doanh, do đó Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cho Công ty. Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng đã hoàn trả 500.000.000 VND vào ngày 22/09/2022. Tại thời điểm 31/03/2026, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng vẫn đang tiếp tục làm việc để thống nhất phương án thanh toán và chấm dứt việc hợp tác kinh doanh.

(3) Khoản phải thu tiền đặt cọc và tiền phạt vi phạm do không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú theo Hợp đồng đặt cọc ngày 15/12/2025 và Thanh lý hợp đồng đặt cọc ngày 27/12/2025. Ngày 09/01/2026, Công ty đã thu đủ số tiền 2.440.000.000 đ.

### 10 . NỢ XẤU

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Vật liệu công nghệ Cao Kim Nam	159.899.140	-	159.899.140	-
<b>Trả trước cho người bán</b>				
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	-	811.580.000	-
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
	<b>5.471.479.140</b>	<b>-</b>	<b>5.471.479.140</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 11 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	999.605.694	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.086.639.455	-	9.794.844.655	-
Công cụ, dụng cụ	1.229.825.286	-	414.734.018	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.979.438.511	-	2.176.234.053	-
Sản phẩm	5.194.716.039	-	6.621.742.040	-
Hàng hoá	585.758.600	-	938.747.600	-
	<b>18.076.377.891</b>	<b>-</b>	<b>20.945.908.060</b>	<b>-</b>

### 12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	209.263.500	28.654.179.651
Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH <sup>(1)</sup>	209.263.500	209.263.500
Dự án Bến thủy Nội địa DLH <sup>(2)</sup>	-	28.444.916.151
Mua sắm tài sản cố định	1.250.104.720	302.288.000
Xây dựng hệ thống PCCC	1.250.104.720	302.288.000
	<b>1.459.368.220</b>	<b>28.956.467.651</b>

(1) Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);
- Địa điểm xây dựng: Các lô CN4, CN6, CN20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng);
- Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất Vôi công nghiệp;
- Mục tiêu dự án: Sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite; chế biến vôi cục, dolomite qua nung, các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
- Quy mô của dự án: Dự án sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite với quy mô 320.000 tấn/năm; và kinh doanh chế biến vôi, dolomite nung, và các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung với quy mô 120.000 tấn/năm thông qua hợp đồng hợp tác, kinh tế, gia công chế biến với đơn vị sản xuất khác;
- Diện tích đất sử dụng: 37.942 m2 (gồm lô đất số CN4, CN6 có diện tích 21.445 m2; lô đất CN20 có diện tích 16.497 m2 và diện tích đường nội bộ); Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;
- Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm 31/03/2026:
  - + Giai đoạn 1: Hoàn thành các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất vôi, dolomite nung từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2021 trên lô đất CN20 - Thửa đất số 240 tờ bản đồ địa chính số 35, diện tích 16.497 m<sup>2</sup>.
  - + Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục giải phóng mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên lô đất CN4, CN6 với diện tích 21.445 m<sup>2</sup>. Công ty đang tiếp tục thực hiện dự án theo tiến độ.
- (2) Dự án Bến Thủy Nội địa DLH
  - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Damik (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);
  - Địa điểm xây dựng: Bãi ngoài đê sông Hàn Mẫu (K0+900 đến K1+166,5), phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng).
  - Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ bốc xếp, tập kết hàng hóa của các dự án trong Cụm công nghiệp Phú Thứ và khu vực lân cận.
  - Quy mô dự án: 800.000 tấn/năm;
  - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
  - Tổng mức đầu tư tạm tính: 19.920 triệu VND;
  - Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 27 tháng 4 năm 2059;
  - Diện tích đất sử dụng: 21.532 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích đất xin thuê 6.888,0 m<sup>2</sup> và Diện tích đất lưu không: 14.644 m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng đất: Từ năm 2025, thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;
  - Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trước ngày 30 tháng 06 năm 2026.
- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm 31/03/2026:
  - + Giai đoạn 1: Hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hoàn thành trên phần diện tích 14.101,6 m<sup>2</sup> và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2021.
  - + Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 3.121 m<sup>2</sup> ngày 02/02/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2026	102.067.873.158	134.824.476.555	6.746.889.461	667.477.091	238.350.000	244.545.066.265
Mua sắm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	102.067.873.158	134.824.476.555	6.746.889.461	667.477.091	238.350.000	244.545.066.265
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	72.488.970.456	78.309.490.818	5.845.637.672	638.370.275	238.350.000	157.520.819.221
Trích khấu hao	2.297.151.437	3.237.617.534	122.093.845	2.425.570	-	5.659.288.386
Tại ngày 31/03/2026	74.786.121.893	81.547.108.352	5.967.731.517	640.795.845	238.350.000	163.180.107.607
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	29.578.902.702	56.514.985.737	901.251.789	29.106.816	-	87.024.247.044
Tại ngày 31/03/2026	27.281.751.265	53.277.368.203	779.157.944	26.681.246	-	81.364.958.658
Trong đó:						

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

81.178.907.916 đồng.  
21.773.364.593 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2026	168.382.441	168.382.441
Mua sắm	-	-
Tại ngày 31/03/2026	168.382.441	168.382.441
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2026	22.450.992	22.450.992
Trích khấu hao	8.419.122	8.419.122
Tại ngày 31/03/2026	30.870.114	30.870.114
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	145.931.449	145.931.449
Tại ngày 31/03/2026	137.512.327	137.512.327

### 15 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	485.114.062	392.909.324
Chi phí bảo hiểm	75.737.044	131.046.388
Chi phí thuê đất	48.000.000	72.000.000
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	385.757.351	342.499.988
Chi phí hỗ trợ trang phục	455.624.986	-
	1.450.233.443	938.455.700
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.029.154.433	2.653.759.296
Chi phí GPMB của dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH <sup>(1)</sup>	19.413.168.676	19.558.201.484
Tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 chờ phân bổ của Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH <sup>(2)</sup>	7.723.416.750	7.723.416.750
Chi phí GPMB Dự án Bến thủy nội địa DLH <sup>(3)</sup>	48.435.444.712	20.292.027.455
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	2.789.236.623	3.152.196.591
	80.390.421.194	53.379.601.576

(1) Thông tin chi tiết dự án trình bày tại Thuyết minh số 12.

(2) Chi phí tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 của lô đất 21.445 m<sup>2</sup> thuộc dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH xác định theo Xác nhận số 7371/XN-CTHDU ngày 26/08/2024 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

(3) Thông tin chi tiết dự án trình bày tại Thuyết minh số 12.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK**

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Quý I năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH cơ khí xây dựng Thành Phát	183.985.040	183.985.040	246.071.540	246.071.540
Công ty TNHH Vận tải DLH	127.440.000	127.440.000	132.084.000	132.084.000
Công ty TNHH Khoáng sản Minh Hưng	262.526.520	262.526.520	262.526.520	262.526.520
Đối tượng khác	757.958.842	757.958.842	573.912.773	573.912.773
	<b>1.331.910.402</b>	<b>1.331.910.402</b>	<b>1.214.594.833</b>	<b>1.214.594.833</b>
	<b>127.440.000</b>	<b>127.440.000</b>	<b>132.084.000</b>	<b>132.084.000</b>

d) Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	522.071.555	1.313.734.980	1.105.569.811	-	730.236.724
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	135.769.513	85.312.830	135.769.513	-	85.312.830
Thuế Thu nhập cá nhân	-	805.865	4.434.808	52.092.715	46.852.042	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	32.517.099	32.517.099	-	-
	<b>-</b>	<b>658.646.933</b>	<b>1.403.482.618</b>	<b>1.293.432.039</b>	<b>46.852.042</b>	<b>815.549.554</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí lãi vay	89.023.998	98.648.582
Chi phí phải trả khác	141.472.800	541.935.157
	<b>230.496.798</b>	<b>640.583.739</b>

### 19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	142.655.700	255.490.100
Bảo hiểm xã hội	11.988.657	6.472.157
Bảo hiểm y tế	4.193.750	2.745.500
Bảo hiểm thất nghiệp	521.000	505.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.639.121.300	-
	<b>11.798.480.407</b>	<b>265.212.757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK**

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Quý I năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2026		Trong kỳ		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(1)</sup>	75.035.006.610	75.035.006.610	35.338.263.982	(51.466.913.562)	58.906.357.030	58.906.357.030
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.400.000.000	3.400.000.000	850.000.000	(850.000.000)	3.400.000.000	3.400.000.000
	<u>78.435.006.610</u>	<u>78.435.006.610</u>	<u>36.188.263.982</u>	<u>(52.316.913.562)</u>	<u>62.306.357.030</u>	<u>62.306.357.030</u>
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	7.670.000.000	7.670.000.000	-	(850.000.000)	6.820.000.000	6.820.000.000
	<u>7.670.000.000</u>	<u>7.670.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(850.000.000)</u>	<u>6.820.000.000</u>	<u>6.820.000.000</u>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	3.400.000.000	3.400.000.000	850.000.000	(850.000.000)	3.400.000.000	3.400.000.000
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>4.270.000.000</b>	<b>4.270.000.000</b>			<b>3.420.000.000</b>	<b>3.420.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 362/2025-HĐCVHM/NHCTKCNHD15 ký ngày 10/11/2025 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần tập đoàn Damik bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2026 là 58.906.357.030 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK**

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Quý I năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (2) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư Số 255/2022-HĐCVDADT/NHCTKCNHD15 ngày 03/08/2022 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Thực hiện Dự án đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo lò SK5";
  - + Thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
  - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/03/2026 là 6.820.000.000 VND; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 3.400.000.000 VND.

Tài sản thế chấp chung cho các hợp đồng vay trên bao gồm: Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất đã, đang và sẽ được hình thành trong tương lai; Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất với công nghiệp (Thuộc dự án nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH – Giai đoạn 1); Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; Quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; lợi ích, các khoản bồi hoàn; ...); Tài sản là nguyên vật liệu, vật tư phục vụ kinh doanh sản xuất với, và các máy móc thiết bị là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH; Hệ thống máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH giai đoạn 2; Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH – Giai đoạn 2 và các tài sản thế chấp khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>				
Tại ngày 01/01/2025	143.750.000.000	1.250.625.000	23.604.940.913	168.605.565.913
Lãi trong kỳ trước	-	-	590.890.060	590.890.060
<b>Tại ngày 31/03/2025</b>	<b>143.750.000.000</b>	<b>1.250.625.000</b>	<b>24.195.830.973</b>	<b>169.196.455.973</b>
<b>Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</b>				
Tại ngày 01/01/2026	143.750.000.000	1.250.625.000	24.019.462.283	169.020.087.283
Lãi trong kỳ này	-	-	164.440.311	164.440.311
<b>Tại ngày 31/03/2026</b>	<b>143.750.000.000</b>	<b>1.250.625.000</b>	<b>24.183.902.594</b>	<b>169.184.527.594</b>

#### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/03/2026 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2026 VND
Đặng Đức Minh	33,35%	47.942.000.000	33,35%	47.942.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	35,48%	51.000.000.000	35,48%	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	20,00%	28.750.000.000	20,00%	28.750.000.000
Cổ đông khác	11,17%	16.058.000.000	11,17%	16.058.000.000
	<b>100%</b>	<b>143.750.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>143.750.000.000</b>

#### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	143.750.000.000	143.750.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	143.750.000.000	143.750.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	143.750.000.000	143.750.000.000

#### d) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.375.000	14.375.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.375.000	14.375.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.375.000	14.375.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/03/2026	01/01/2026
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.844,04	832,68

### 23 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	46.113.898.257	51.657.115.846
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	24.000.000
	<b>46.113.898.257</b>	<b>51.681.115.846</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)	<b>210.083.000</b>	<b>585.009.000</b>

### 24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	41.850.926.392	46.884.517.090
	<b>41.850.926.392</b>	<b>46.884.517.090</b>

### 25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.085.864	1.007.039
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	2.872.800
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.022.539	3.493.301
	<b>2.108.403</b>	<b>7.373.140</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.480.558.880	1.831.437.226
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	438.480	1.723.680
	<b>1.480.997.360</b>	<b>1.833.160.906</b>

### 27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	136.720.954	153.775.234
Chi phí nhân công	90.976.714	136.750.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.195.000	138.354.225
Chi phí khác bằng tiền	2.500.000	140.000
	<b>242.392.668</b>	<b>429.019.647</b>

### 28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	36.284.948	36.723.028
Chi phí nhân công	689.022.728	615.363.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.163.890	85.661.436
Thuế, phí, lệ phí	32.517.099	117.204.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.232.950	187.516.893
Chi phí khác bằng tiền	598.884.023	743.757.910
	<b>1.981.105.638</b>	<b>1.786.226.809</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	249.753.141	741.304.307
Các khoản điều chỉnh tăng	177.833.547	14.260.227
- Chi phí không hợp lệ	162.123.351	14.260.227
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	15.710.196	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.022.539)	(3.493.301)
- Chi phí lãi vay năm trước chuyển sang	-	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(1.022.539)	(3.493.301)
Thu nhập tính thuế TNDN	426.564.149	752.071.233
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>85.312.830</b>	<b>150.414.247</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	135.769.513	3.340.227.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(135.769.513)	(3.340.227.183)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>85.312.830</b>	<b>150.414.247</b>

### 30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	164.440.311	590.890.060
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	164.440.311	590.890.060
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.375.000	14.375.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>11</b>	<b>41</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	Cổ đông lớn, có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	Cổ đông lớn, có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải DLH	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	Có cùng chủ tịch HĐQT, thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Trường Lộc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế An Phú Sơn	Có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Vôi Việt Nam	Có thành viên HĐQT là Chủ tịch Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Holding	Có thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Vôi công nghiệp Long Sơn	Có thành viên HĐQT là Giám đốc, đồng thời là chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	Chủ tịch HĐQT là vợ ông Đặng Đức Minh
Công ty Cổ phần DamiK La Hiên	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	210.083.000	585.009.000
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	873.087.500	-
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	1.042.581.750	535.622.490
Công ty TNHH Vận tải DLH	354.000.000	56.335.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	325.713.340	202.703.500
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	244.142.240	250.084.832
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	3.000.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Vận tải DLH	127.440.000	132.084.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao trong quý I.2025 và quý I.2026.

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
- Lê Quý Sơn	199.296.152	119.570.385
- Bùi Văn Tuấn	79.461.538	70.395.001
- Nguyễn Văn Hải	56.692.307	49.175.384
	63.142.307	-

### 33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 2503.01-26/BC-TC/VAEHN ngày 25 tháng 03 năm 2026.



Nguyễn Thị Luyện  
 Người lập



Nguyễn Thị Luyện  
 Kế toán trưởng



Lê Quý Sơn  
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026